TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2022/HS-ST
Ngày: 20-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Tấn Vũ;

- Ông Phạm Duy Huy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Rô Đăm Quyết và bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Xa, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T; sinh ngày 14 tháng 5 năm 1991, nơi sinh huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: H’rê; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn X (sinh năm 1978) và bà: Phạm Thị L (sinh năm 1979); Vợ: Phạm Thị D (sinh năm 1993); Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 05/12/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn P; sinh ngày 18 tháng 01 năm 2004, nơi sinh huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: H’rê; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Đ (sinh năm 1979) và bà: Phạm Thị B (sinh năm 1983); Vợ, Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 05/12/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn P1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2001, nơi sinh huyện B, tỉnh

Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: H'rê; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn X1 (sinh năm 1978) và bà: Phạm Thị B1 (sinh năm 1982); Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện tạm giam ngày 24/8/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P**: Ông Bùi Phú V, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn P**: Ông Nguyễn Chí K, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Bị hại:** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng T;

Địa chỉ trụ sở: phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bảo L - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Huỳnh bảo L: Ông Lê Tấn P, Phó Quản lý công trình (văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022).

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Võ Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người phiên dịch**: ông Phạm Văn T, công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn B phiên dịch tiếng Hre cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn P1 và Người đại diện cho bị hại có mặt; Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 04/03/2022, Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 ngồi uống bia ở thôn Nước Lăng, xã Ba Xa, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Trong lúc nhậu, T có rủ P và P1 đi lấy trộm sắt tại khu vực công trình đang thi công nhà máy thuỷ điện Đăkre 2 (do Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng T xây dựng) để bán phế liệu lấy tiền chia nhau thì được P và P1 đồng ý. Sau đó, T, P và P1 cùng thống nhất uống hết bia xong sẽ thực hiện hành vi. Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 05/03/2022, T dẫn P, P1 bắt đầu đi bộ đến vị trí để sắt. Lúc này, T và

P1 trèo lên trên dốc đến vị trí bãi đất trống nơi có nhiều tài sản là sắt (thiết bị của xe máy ủi, máy bơm bê tông đã được tháo rời hoàn toàn như: lá ngói xe ủi, bánh đỡ của xe ủi, bánh đè của xe ủi, vành sao của xe máy ủi, bộ chà tĩnh, động của máy bơm bê tông và có nhiều phương tiện xe ô tô, xe ủi); còn P đứng ở đoạn lưng dốc. T và P1 nhìn thấy có nhiều tài sản là thiết bị bằng sắt tròn, nặng để trên mặt đất nên T và P1 lấy 05 (năm) thiết bị bằng kim loại (có tên gọi là Ga lê, thường gọi là bánh đè, bánh đỡ hoặc con lăn đè, con lăn đỡ) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 24cm, có lõi trục tròn và 01 (một) thiết bị bằng kim loại (có tên gọi là mặt chà động hoặc thường gọi là bộ mặt chà vòng chà ron bù) có kích thước tròn đường kính 8,5cm, cao 15cm, rỗng bên trong rồi lần lượt lăn xuống dốc cho P giữ. Sau đó, T, P và P1 tiếp tục khiêng cả 06 (sáu) thiết bị nói trên về vườn nhà của Phạm Văn T cất giấu. Sau khi cất giấu xong thì T, P, P1 đi về nhà mình để ngủ.

Đến sáng ngày 05/03/2022, Phạm Văn T điện thoại cho ông Nguyễn T là người làm nghề thu mua phế liệu đến nhà cân sắt. Khoảng 07 giờ cùng ngày, ông T đến nhà Phạm Văn T và mang theo 01 cái cân 30 kg, tại đây ông thu mua 06 cục sắt với giá 9.000đồng/ 1 ký sắt thì T đồng ý. Do sắt quá nặng nên ông T đi mượn cân loại 100kg cân được khoảng 300kg với tổng số tiền 3.270.000đồng, ông T đưa trước cho Phạm Văn T là 1.170.000 đồng, còn tài sản là sắt thì để lại vị trí cũ rồi về lại xã T. Số tiền bán sắt trên T đã đưa cho P1 là 1.170.000đồng; tuy nhiên, P1 chỉ lấy 1.000.000 đồng và đưa lại cho T 170.000đồng. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn T và vợ là Võ Thị T đến đưa tiền còn lại 2.100.000 đồng cho Phạm Văn T. Sau đó tiếp tục gửi lại toàn bộ số tài sản nói trên để đi thu mua phế liệu trong dân ở thôn Ng, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi sự việc bị phát hiện thì Phạm Văn T giao nộp số tiền 2.270.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn P, Phạm Văn T, Phạm Văn P1 khai nhận: Vào rạng sáng ngày 05/3/2022, Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút vào khu vực công trình thuỷ điện Đăkre 2, thuộc thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trộm cắp tài sản gồm: 05 (năm) thiết bị Ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đè, con lăn đè) của xe máy Ủi D60P và 01 thiết bị mặt chà động (đây là thiết bị đi kèm với thiết bị mặt chà tĩnh, tên thường gọi là bộ mặt chà vòng chà ron bù) của máy bơm bê tông với mục đích trộm cắp sắt bán phế liệu lấy tiền chia nhau để tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS, ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tơ, kết luận: 05 (năm) thiết bị Ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đè, con lăn đè) của xe máy Ủi D60P nhãn hiệu KOMATSU LTD JAPAN, có giá trị 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), trong đó: 03 (ba) thiết bị ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đè, con lăn đè), chất lượng còn lại 15%, là 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). 02 (hai) thiết bị ga lê tỳ D60 (tên thường gọi là bánh đè, con lăn đè), chất lượng còn lại 40%, là 2.400.0000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng); 01 (một) thiết bị mặt chà động (đây là thiết bị đi kèm với thiết bị mặt chà tĩnh tên thường gọi là bộ mặt chà vòng chà ron bù) của máy bơm bê tông nhãn hiệu DEUTZAG, có giá trị: 116.000 đồng (một trăm mười sáu nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản: 3.866.0000đồng (ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Tại phiên tòa, Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm phạm tội. Các bị cáo biết được sơ hở trong quá trình quản lý tài sản của chủ tài sản. Do đó, các bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã rủ nhau các bị cáo còn lại cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo không khiếu nại gì về kết luận giám định, các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 26/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

* Về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 tháng đến 14 tháng tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn P1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về dân sự trong vụ án: Các bị cáo đã khắc phục xong về vấn đề dân sự; người bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không đề cập đến.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại 04 bánh đè bằng kim loại; 01 thiết bị dài 24cm, đường kính 24 cm và 01 thiết bị dài 40cm, đường kính 9,5 cm làm bằng kim loại của máy ủi D60P; 01 thiết bị đường kính 8,5 cm, cao 15cm, làm bằng kim loại của máy bơm bê tông cho bị hại.

* Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa ông Bùi Phú V có bản bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P: thống nhất về tội danh và khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo

được hưởng án treo.

- Ý kiến của Người bào chữa ông Nguyễn Chí K cho bị cáo Phạm Văn P1: thống nhất về tội danh và khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo P1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại không có tranh luận gì với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người bào chữa và đương sự:

Người bào chữa ông Bùi Phú V cho bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P vắng mặt tại phiên tòa; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có gửi bản bào chữa cho Tòa án. Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; xét thấy quá trình điều tra, truy tố đã có bản khai và có đơn không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của các bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người bào chữa và đương sự theo quy định tại Điều 291 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về chứng cứ phạm tội:

Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 đã khai nhận:

Các bị cáo biết được sơ hở trong quá trình quản lý tài sản của chủ tài sản. Do đó, các bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã rủ nhau các bị cáo còn lại cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị các bị cáo đã trộm cắp là: 3.866.000 đồng.

[2.2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 đã phạm tội "Trộm cắp tài sản'' được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2.3] Về tình tiết định khung hình phạt: Tổng số tài sản các bị cáo trộm cắp theo kết quả định giá tài sản là 3.866.000 đồng thuộc định mức hình phạt ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của tội phạm: Các bị cáo là người đã thành niên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất trật tự ở địa phương, tạo dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, do đó cần được xử lý theo quy định pháp luật hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi trộm cắp tài sản; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều là dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo của xã Ba Xa, huyện Ba Tơ. Vì vậy các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 chấp hành hình phạt tù nữa, thời gian tạm giam từ ngày 05/12/2022 đối với bị cáo T, P và từ ngày 24/8/2022 đối với bị cáo P1 đến nay cũng đã đủ răn đe, giáo dục các bị cáo; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo

hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị các mức xử phạt của các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho các bị cáo đề nghị mức xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và không có việc làm ổn định.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Bị hại có yêu cầu nhận lại toàn bộ tài sản mà bị cáo đã trộm cắp. Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao toàn bộ tài sản gồm 04 bánh đè bằng kim loại; 01 vật dài 24cm, đường kính 24 cm và 01 vật dài 40cm, đường kính 9,5 cm làm bằng kim loại của máy ủi D60P; 01 vật đường kính 8,5 cm, cao 15cm, làm bằng kim loại của máy bơm bê tông; cho bị hại quản lý sử dụng.

Đối với số tiền 3.270.000 đồng do bị cáo Phạm Văn T đã bán các tài sản trên mà có; bị cáo T tự nguyện giao nộp số tiền 2.270.000 đồng và Phạm Văn P1 tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng. Đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm; nhưng các bị cáo không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án nên theo quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 tháng tù (mười hai tháng tù) cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 tháng (hai mươi bốn tháng) kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 09 tháng tù (chín tháng tù) cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng (mười tám tháng) kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P1 09 tháng tù (chín tháng tù) cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng (mười tám tháng) kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

2. Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 đang bị tạm giam, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Giao các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 cho Ủy ban nhân dân xã Ba Xa, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng T:

- 03 (ba) thiết bị bằng kim loại (tên thường gọi là gale tỳ, bánh đè, con lăn đè hai rảnh) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 23cm, có lõi trục tròn của xe máy ủi D60P, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thiết bị bằng kim loại (tên thường gọi là gale tỳ, bánh đè, con lăn đè bốn rảnh) có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 24cm, có lõi trục tròn của xe máy ủi D60P, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thiết bị bằng kim loại có kích thước dài 24cm, tròn đường kính 24cm, không có lõi trục và 01 (một) thiết bị bằng kim loại có kích thước dài 40cm, tròn đường kính 9,5cm (đây là hai bộ phận hợp thành của thiết bị có tên gọi là gale tỳ, bánh đè, con lăn đè bốn rảnh) của xe máy ủi D60P, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thiết bị bằng kim loại tròn, có kích thước dài 8,5cm, cao 15cm, rỗng bên trong (đây là thiết bị mặt chà động đi kèm với thiể bị mặt chà tĩnh tên thường gọi là bộ mặt chà vòng chà ron bù) của máy bơm, đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng 08/11/2022 giữa Công an huyện Ba Tơ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.270.000 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0001415 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; buộc các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P, Phạm Văn P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 12 năm 2022. Những người vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ;
- Người bị kết án;
- Đương sự;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy